TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2018/DS-ST
Ngày 28 – 8 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Nô

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2017/TLST–DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2018/QĐXX-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Mỹ H, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: Số 139, tổ 03, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho ông Trần Văn H, sinh năm: 1955. Nơi cư trú: Tổ 02, khóm Long An B, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2017) làm đại diện. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho anh Mai Hoàng H (D), sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2018) làm đại diện. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Mai Hoàng H (D), sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Do quen biết cùng xóm, vào ngày 17/5/2016 al nhằm ngày 21/6/2016 dl, chị T có gặp chị H hỏi vay tiền cho người quen của chị T với số tiền là 10.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn ngân hàng. Chị H đồng ý và giao cho chị T 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn trả vốn là 15 ngày, lãi suất 5%/tháng, khi vay không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Sau khi vay, đến hạn thì chị T có trả lãi được 500.000đ (01 tháng) và xin gia hạn thêm 1,5 tháng tức đến ngày 17/7/2016 al nhằm ngày 21/8/2016 dl nhưng đến hạn chị T vẫn không trả vốn và lãi. Do chị T không thực hiện việc trả nợ nên chị H có yêu cầu đến ban nhân nhân ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu hòa giải nhưng không thành. Trong khoảng thời gian chị T không thực hiện việc trả nợ, hai bên có lời lẽ cự cãi nhau nhưng chị T cho rằng chị H có lời lẽ xúc phạm đến uy tín của gia đình chị T thì chị H cho rằng giữa hai bên gia đình của chị T, chị H có lời qua tiếng lại dẫn đến mâu thuẫn nhưng không đến mức làm mất danh dự của nhau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị T phải trả số tiền vốn 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của số tiền vốn vay 10.000.000 đồng từ ngày 21/6/2016 dl cho đến ngày xét xử và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận của chị T 500.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên vào ngày 17/5/2016 al, chị có gặp chị H để hỏi vay tiền cho người quen (ông C) số tiền là 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn là 01 tháng, sau khi vay xong đến hạn chị H có đến nhận lại tiền thì chị H có trả lãi được 500.000 đồng và trình bày do phía con ông C bị bệnh nằm điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh nên chị có thỏa thuận với chị T là hẹn thêm 1,5 tháng, lời lãi sẽ trả hết. Đến hạn phía ông C có gửi tiền cho chị để trả cho chị H thì chị T có điện thoại cho chị H đến nhà nhận lại số tiền trên nhưng chị H không nhận. Nguyên nhân do trước đây giữa chị H và chị T có sự cự cãi nhau việc vay số tiền trên nên phía chị H không đến nhận lại số tiền vay. Nay chị T thừa nhận còn nợ chị H số tiền vốn

vay là 10.000.000 đồng, đã trả lãi được 500.000 đồng. Do chị H mắng chửi chị T, đồng ý bỏ số tiền trên để đổi lấy sự đau đớn thay cho gia đình chị H và chị H mắng chửi chị T ăn giựt. Nay chị T đồng ý chịu sự đau đớn thay cho chị H, nên chị không đồng ý trả tiền 10.000.000 đồng cho chị H. Đồng thời chị T yêu cầu chị H phải bồi thường do chị H xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín chị T với số tiền 20.000.000 đồng. Chị T có yêu cầu phản tố nhưng không làm đơn yêu cầu phản tố.

Ngày 07/6/2018, chị T ủy quyền cho anh Mai Hoàng H làm đại diện tham gia tố tụng, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/7/2018 và trong quá trình tố tụng, anh Mai Hoàng H trình bày:

Chị Nguyễn Thị T là vợ của anh Mai Hoàng H (anh H có tên thường gọi khác là D) chị T có hỏi vay tiền của chị H 10.000.000 đồng, chưa đến hạn trả thì chị H mắng chửi gia đình chị T và đến hạn trả thì chị T có điện thoại chị H đến nhà nhận tiền nhưng chị H không nhận mà còn chửi mắng gia đình chị T. Trong quá trình xảy ra tranh chấp trong vụ kiện này, chị H có lời lẽ xúc phạm đến gia đình chị T là đồ ăn giựt và còn cho rằng gia đình chị T chịu sự đau đớn thay cho chị H và đồng ý bỏ số tiền nợ trên. Do đó việc chị H khởi kiện yêu cầu trả vốn 10.000.000 đồng và lãi phát sinh thì chị T không đồng ý.

Theo lời trình bày đại diện ủy quyền của bị đơn, trường hợp chị H yêu cầu trả tiền vốn vay 10.000.000 đồng thì phải cung cấp tài liệu, chứng cứ cho việc vay nợ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Hoàng H trình bày:

Ngày 03/12/2017, tại ban hòa giải ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu có sự tham gia của vợ chồng anh N, chị H và vợ chồng anh H (D), chị T tham gia hòa giải nhưng sự việc không thành. Nguyên nhân do chị H có lời lẽ xúc phạm đến danh dự, uy tín gia đình anh H, chị T, việc chị H có lời lẽ xúc phạm đến danh dự, uy tín chị T, nay yêu cầu của chị H buộc chị T trả số tiền vốn vay 10.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

Đối với biên bản ngày 03/12/2017, nay anh H xác định là không phải chữ ký của anh ký tên. Tại hòa giải ngày 03/12/2017 có ban hòa giải, vợ chồng anh H (D),

chị T và vợ chồng anh N, chị H đều có mặt. Sau khi kết thúc hòa giải do hòa giải không thành thì các bên đều có đại diện ký vào biên bản gồm anh H và chị H. Nay anh H xác định là biên bản này là không đúng thực tế do phía nguyên đơn cung cấp sai sự thật. Đồng thời anh yêu cầu chị H bồi thường ngày công lao động do anh đi tham gia vụ kiện tại Tòa án trong vụ kiện này mỗi ngày là 300.000 đồng trong 10 ngày là 3.000.000 đồng. Anh H có yêu cầu độc lập nhưng không làm đơn yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của bị đơn thừa nhận chị T nợ chị H toàn bộ số tiền nêu trên và anh H xin hẹn trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt số nợ với điều kiện chị H phải xin lỗi gia đình chị T. Nhưng không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 73, 85 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 6, 7, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị HĐXX xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mỹ H do ông Trần Văn H làm đại diện:

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Mỹ H số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên hoàn lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Trần Mỹ H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 08, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Chị Trần Mỹ H ủy quyền cho ông: Trần Văn H làm đại diện. (theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2017) và chị Nguyễn Thị T ủy quyền cho anh Mai Hoàng H làm đại diện (theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2018). Việc uỷ quyền trên phù hợp với qui định pháp luật nên được công nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Mai Hoàng H xác nhận: Ngày 17/5/2016 al nhằm ngày 21/6/2016 dl, chị T có vay của chị H số tiền 10.000.000 đồng cho người quen của chị T để trả nợ đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ hợp đồng, thời hạn vay là 15 ngày với lãi suất vay là 5%/tháng. Sau khi vay, đến hạn, chị T có trả lãi được 01 tháng là 500.000 đồng và xin gia hạn thêm 1,5 tháng là đến ngày 21/8/2016 dl sẽ thanh toán vốn và lãi dứt.

Đến hạn trả nợ, chị T không thực hiện, hai bên giữa chị H và chị T có lời lẽ cự cãi nhau, chị H có yêu cầu ban nhân dân ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu hòa giải nhưng không thành và chị H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết. Đại diện nguyên đơn trình bày chị H với chị T giữa hai bên gia đình có lời qua tiếng lại dẫn đến mâu thuẫn lẫn nhau nhưng không đến mức làm mất danh dự của nhau.

[2.2] Xét hợp đồng cho vay tài sản giữa hai bên chị H và chị T là trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên hai bên không lập bằng văn bản nhưng các bên xác nhận có vay và còn nợ vốn vay là 10.000.000 đồng, có trả lãi 500.000 đồng kể từ ngày 21/6/2016 dl đến 21/7/2016 dl và từ đó đến nay chị T chưa trả cho chị H số tiền vốn và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Lãi suất tiền vay cụ thể như sau:

- Từ ngày 21/6/2016 đến ngày 21/7/2016. Tiền lãi: 10.000.000 đồng x 01 tháng x 0,75% = 75.000 đồng. Chị T có trả lãi cho chị H 500.000 đồng.

Số lãi trừ vào vốn = 10.000.000 đồng – (500.000 đồng – 75.000 đồng) = 9.575.000 đồng vốn.

- Từ ngày 21/7/2016 đến ngày 28/8/2018 = (767 ngày x 9.575.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày = 1.836.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 9.575.000 đồng + 1.836.000 đồng = 11.411.000 đồng.

[2.3] Anh H đại diện chị T trình bày, chị H có mắng chửi chị T và phải chịu sự đau đớn thay cho chị H để trừ vào số tiền nợ 10.000.000 đồng chị T nợ là không có cơ sở chấp nhận, việc hợp đồng vay tài sản giữa các bên phải thực hiện theo quy định pháp luật về nghĩa vụ của bên cho vay và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Việc chị T có yêu cầu chị H phải bồi thường thiệt hại do chị H xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín đến chị T với số tiền là 20.000.000 đồng nhưng chị T không làm đơn yêu cầu phản tố nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mà tách thành vụ kiện khác khi chị T có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Mai Hoàng H có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này cho rằng do anh tham gia trong vụ kiện này việc đi lại nhiều lần có yêu cầu chị T bồi thường số tiền chi phí mất thu nhập mỗi ngày 300.000 đồng, tổng cộng 10 ngày bằng 3.000.000 đồng. Anh H có yêu cầu độc lập nhưng không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ kiện này theo quy định pháp luật, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và tách thành vụ kiện khác khi anh H có yêu cầu.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Mỹ H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị Trần Mỹ H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39 và Điều 239, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mỹ H:

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu trách nhiệm trả cho chị Trần Mỹ H số tiền vốn: 9.575.000 đồng và tiền lãi là 1.836.000 đồng (lãi tính đến ngày 28/8/2018). Tổng cộng vốn và lãi: 11.411.000 đồng (mười một triệu bốn trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 571.000 đồng (năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí cho cho chị Trần Mỹ H theo biên lai thu số 0001525 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm